

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2007 số 20/2007/NQ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho vay phát triển thương mại ở địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc góp phần thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Giao Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chính sách tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Vùng khó khăn

1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân quy định tại Quyết định này bao gồm các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

2. Các xã thành lập sau khi Quyết định này có hiệu lực, trên cơ sở chia, tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc Danh mục nêu tại khoản 1 trên đây cũng được hưởng chính sách tín dụng theo Quyết định này.

Điều 3. Thương nhân hoạt động thương mại

1. Thương nhân bao gồm: tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

2. Hoạt động thương mại: thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Đối tượng được vay vốn

Đối tượng được vay vốn theo quy định tại Quyết định này là thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn.

Điều 5. Điều kiện được vay vốn

Để được vay vốn, đối tượng được vay vốn quy định tại Điều 4 Quyết định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân hoạt động thương mại xác nhận có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn.
2. Có vốn tự có (bao gồm: giá trị vật tư, quyền sử dụng đất, tiền vốn) tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn vay cho hoạt động thương mại tại địa bàn vùng khó khăn.
3. Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 12 Quyết định này.

Điều 6. Nguyên tắc vay vốn

1. Thương nhân vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay quy định tại Điều 7 Quyết định này.
2. Thương nhân vay vốn phải trả nợ gốc, lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã cam kết.

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Ngân hàng Chính sách xã hội cho thương nhân vay vốn để đáp ứng các nhu cầu vốn cho hoạt động thương mại gồm:

1. Đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác.
2. Mua sắm hàng hóa gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các động sản khác được lưu thông trên thị trường.
3. Góp vốn với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh tại địa bàn vùng khó khăn quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 8. Mức vốn cho vay

1. Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế: mức vốn cho vay tối đa là 30 triệu đồng.
2. Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật: mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng.
3. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp. Mức vốn cho vay tối đa là 500 triệu đồng.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay áp dụng bằng mức lãi suất cho vay đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.
2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.
3. Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 10. Thời hạn cho vay, gia hạn nợ

1. Thời hạn cho vay được xác định theo các loại cho vay: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhưng tối đa không quá 5 năm.